



Bài: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. LÂM NGHIỆP

1.1. TÀI NGUYÊN RỪNG

- Năm 2000, tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng 14491,3 nghìn ha, độ che phủ tính chung toàn quốc là 43%.
- Hiện nay, tài nguyên rừng đã bị cạn kiệt ở nhiều nơi.
- Có 3 loại rừng: Rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng.

1.2. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH LÂM NGHIỆP

- Hằng năm, cả nước khai thác khoảng hơn 2,5 triệu mét khối gỗ.
- Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản được phát triển gắn với các vùng nguyên liệu.
- Mô hình nông lâm kết hợp đang được phát triển, góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống nhân dân.

2. NGÀNH THỦY SẢN

2.1. NGUỒN LỢI THỦY SẢN

- **Thuận lợi:**
 - Nước ta có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khá thuận lợi để phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.
 - Có 4 ngư trường trọng điểm là: ngư trường Cà Mau – Kiên Giang, ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, ngư trường Hải Phòng – Quảng Ninh và ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.
- **Khó khăn:**
 - Nghề thủy sản đòi hỏi vốn rất lớn, trong khi phần lớn ngư dân còn nghèo. Vì vậy, quy mô ngành thủy sản còn nhỏ.
 - Ở nhiều vùng ven biển, môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản bị suy giảm khá mạnh.



2.2. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH THỦY SẢN.

- Do thị trường mở rộng mà hoạt động của ngành thủy sản trở nên sôi động.
- Khai thác hải sản: Sản lượng khai thác tăng khá nhanh, chủ yếu do tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu.
- Nuôi trồng thủy sản: Gần đây phát triển nhanh, đặc biệt là nuôi tôm, cá.
- Xuất khẩu thủy sản đã có bước phát triển vượt bậc, tác động đến toàn bộ các khâu khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.
- Hiện nay, sản lượng khai thác vẫn chiếm tỉ trọng lớn, sản lượng nuôi trồng tuy chiếm tỉ lệ nhỏ hơn nhưng có tốc độ tăng nhanh.